TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 483/2021/QĐST-HNGĐ	*Hà Đông, ngày 22 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 456/2021/TLST-HNGĐ ngày 14.10.2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; trú tại: số nhà 2, ngõ 2B, khu C, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội

- Bị đơn: anh Trần Mạnh H, sinh năm 1986; trú tại: số nhà 2, ngõ 2B, khu C, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các điều 55, 55, 56, 58, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Mạnh H (Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Phú Thọ cấp ngày 09/3/2011 không còn giá trị).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là Trần Hoàng G, sinh ngày 24/11/2011 – giới tính: Nam. Khi ly hôn anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Hoàng G cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh H tạm thời chưa yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

2.3. Về án phí: chị Nguyễn Thị N tự nguyện nộp cả 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện sung quỹ 150.000đ tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm còn lại (được trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông theo biên lai số 9339 ngày 14/10/2021).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Ngọc Mai